

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2023-2024

S TT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ sinh năm 2017 thường trú tại phường Trảng An	Duy trì sĩ số học sinh năm học trước được lên lớp 2	Duy trì sĩ số học sinh năm học trước được lên lớp 3	Duy trì sĩ số học sinh năm học trước được lên lớp 4	Duy trì sĩ số học sinh năm học trước được lên lớp 5
II	Chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện	Thực hiện theo Thông tư số 32/2018/TT-GD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện theo Thông tư số 32/2018/TT-GD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện theo Thông tư số 32/2018/TT-GD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện theo Thông tư số 32/2018/TT-GD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Gia đình phối hợp với nhà trường thống nhất các biện pháp giáo dục học sinh và quan tâm giúp đỡ học sinh chậm tiến bộ để đạt được 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học. Góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt động văn hóa, TDTT phù hợp với lứa tuổi. Học sinh thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập và giáo dục; chấp hành nội quy nhà trường. Tích cực rèn luyện các năng lực và phẩm chất cần thiết phù hợp lứa tuổi. Tham gia các hoạt động giáo dục tập thể, hoạt động trải nghiệm. Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của HS ở trường	Nhà trường đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu tối thiểu về học tập, sinh hoạt của học sinh tại trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, An toàn phòng chống tai nạn thương tích, phòng tránh đuối nước, an toàn về an ninh trật tự. Cán bộ, giáo viên, nhân viên thường xuyên gần gũi, hỗ trợ kịp thời học sinh gặp khó khăn trong học tập và sinh hoạt.				



V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Kết quả từng năng lực và phẩm chất 100% học sinh đạt mức Tốt và Đạt - Kết quả từng môn học và HĐGD 100% HS Hoàn thành và Hoàn thành tốt. - Học sinh đảm bảo sức khỏe	- Kết quả từng năng lực và phẩm chất 100% học sinh đạt mức Tốt và Đạt - Kết quả từng môn học và HĐGD 100% HS Hoàn thành và Hoàn thành tốt. - Học sinh đảm bảo sức khỏe	- Kết quả từng năng lực và phẩm chất 100% học sinh đạt mức Tốt và Đạt - Kết quả từng môn học và HĐGD 100% HS Hoàn thành và Hoàn thành tốt. - Học sinh đảm bảo sức khỏe	- Kết quả từng năng lực và phẩm chất 100% học sinh đạt mức Tốt và Đạt - Kết quả từng môn học và HĐGD 100% HS Hoàn thành và Hoàn thành tốt. - Học sinh đảm bảo sức khỏe	- Kết quả từng năng lực và phẩm chất 100% học sinh đạt mức Tốt và Đạt - Kết quả từng môn học và HĐGD 100% HS Hoàn thành và Hoàn thành tốt. - Học sinh đảm bảo sức khỏe
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh được đảm bảo các điều kiện để tiếp tục học tập	Học sinh được đảm bảo các điều kiện để tiếp tục học tập	Học sinh được đảm bảo các điều kiện để tiếp tục học tập	Học sinh được đảm bảo các điều kiện để tiếp tục học tập	Học sinh được đảm bảo các điều kiện để tiếp tục học tập

Tràng An, ngày 12 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Diệp

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	14/18	Số m ² /1học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ	04	
III	Số điểm trường lẻ	Không	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	9.520m ²	16,2 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.250	3,8 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	672 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 m ²	1,37 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	90 m ²	
3	Diện tích phòng GD thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	Không	
4	Diện tích phòng Giáo dục nghệ thuật (m ²)	48 m ²	1,37 m ² /học sinh
5	Diện tích phòng Ngoại ngữ (m ²)	48 m ²	1,37 m ² /học sinh
6	Diện tích phòng Tin học (m ²)	48 m ²	1,37 m ² /học sinh
7	Diện tích phòng Thiết bị giáo dục (m ²)	24 m ²	
8	Diện tích phòng Khoa học và Công nghệ (m ²)	48 m ²	1,37 m ² /học sinh
9	Diện tích phòng hỗ trợ GD HS khuyết tật học lớp hòa nhập (m ²)	Không	
10	Diện tích phòng truyền thống và HĐ Đội (m ²)	24 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị DH tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	4 bộ	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2		
1.3	Khối lớp 3		
1.4	Khối lớp 4		
1.5	Khối lớp 5	4 bộ	1,3 bộ/lớp
2	Tổng số TBDH tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2	04 bộ	Thiếu theo CT GDPT-2018
2.3	Khối lớp 3	04 bộ	Thiếu theo CT GDPT-2018
2.4	Khối lớp 4	04 bộ	Thiếu theo CT GDPT-2018
2.5	Khối lớp 5		



VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30 bộ	21 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	7	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Bộ loa máy	02	
5	Máy chiếu projector/ Máy chiếu vật thể	14	
6	Máy tính bàn	16	
7	Máy tính xách tay	6	
9	Máy in	6	
10	Máy Scan	1	
11	Webcame	1	
12	Điều hòa nhiệt độ	43	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	40 m ²
XI	Nhà ăn	200m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho hs bán trú	Sử dụng phòng học		
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		4		0,06
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 28/2020/QĐ-BGĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đông Triều, ngày 12 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Diệp

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp (tự đánh giá)			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đủ ĐK ĐG
	Tổng số GV, CBQL, nhân viên	30			26	2	2		1	21	6	18	8	1	0
I	Giáo viên	25			23	2			1	21	4	19	6	0	0
	<i>Số giáo viên dạy các môn văn hóa</i>	<i>19</i>			<i>17</i>	<i>2</i>			<i>1</i>	<i>14</i>	<i>4</i>	<i>15</i>	<i>4</i>		
	<i>Số giáo viên chuyên biệt, trong đó:</i>	<i>6</i>			<i>6</i>				<i>0</i>	<i>6</i>		<i>4</i>	<i>2</i>		
	1 Ngoại ngữ	2			2					2		2			
2	Âm nhạc	0													
3	Mỹ thuật	2			2					2			2		
4	Thể dục	1			1					1		1			
5	Tin học	0								0					
6	Tổng phụ trách Đội	1			1					1		1			
II	Cán bộ quản lý	2			2						2	2			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	3			1		2								
1	Nhân viên Văn thư- Hành chính	1					1								
2	Nhân viên Kế toán	1			1										
3	Nhân viên Y tế-Thư viện; TBDH	1					1								

Đông Triều, ngày 12 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Diệp